

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
MÔN TOÁN - LỚP 6.
NĂM HỌC 2022-2023

A. KIẾN THỨC

I. SỐ HỌC VÀ ĐẠI SỐ

* Chương VI: Phân số

1. Phân số, tính chất cơ bản của phân số, so sánh phân số;
2. Các phép tính với phân số;
3. Hai bài toán về phân số.

* Chương VII. Số thập phân

1. Số thập phân và các phép tính với số thập phân.
2. Làm tròn và ước lượng
3. Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm.

* Chương IX. Dữ liệu xác suất thực nghiệm

1. Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước
2. Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ (Biểu đồ tranh, biểu đồ cột, biểu đồ cột kép).
3. Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm;
4. Xác suất thực nghiệm.

II. HÌNH HỌC

* Chương VIII. Những hình học cơ bản

1. Điểm, đường thẳng, tia, điểm nằm giữa hai điểm;
2. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng;
3. Góc, các góc đặc biệt, số đo góc

B. BÀI TẬP

I. CÁC DẠNG BÀI TẬP

1. SỐ HỌC VÀ ĐẠI SỐ

- 1.1. **Dạng 1:** Thực hiện phép tính về phân số, số thập phân.
- 1.2. **Dạng 2:** Tìm số chưa biết (Thông qua thực hiện phép tính; phân số bằng nhau.)
- 1.3. **Dạng 3:** Bài toán thực tế liên quan hai bài toán cơ bản về phân số, tỉ số, tỉ số phần trăm
- 1.4. **Dạng 4:** Toán tổng hợp về thống kê.

2. HÌNH HỌC

Toán tổng hợp về đường thẳng, tia, đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng, góc và số đo góc.

II. BÀI TẬP MINH HỌA

1. SỐ HỌC

Dạng 1: Thực hiện phép tính

Bài 1: Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

a) $4\frac{1}{3} \cdot \frac{4}{9} + 13\frac{2}{3} \cdot \frac{4}{9}$

f) $\left(-\frac{2}{5} + \frac{3}{7}\right) - \left(\frac{4}{9} + \frac{12}{20} - \frac{13}{35}\right) + \frac{7}{35}$

$$b) 6\frac{1}{5} \cdot \left(-\frac{2}{7}\right) + 14\frac{4}{5} \cdot \left(-\frac{2}{7}\right)$$

$$g) \frac{4}{3} + \frac{-11}{31} + \frac{3}{10} - \frac{20}{31} - \frac{2}{5}$$

$$c) \frac{-3}{17} \cdot \frac{5}{9} + \frac{4}{9} \cdot \frac{-3}{17} + 137\frac{3}{17}$$

$$h) 1\frac{13}{15} \cdot (0,5)^2 \cdot 3 + \left(\frac{18}{25} - 1\frac{19}{60}\right) : 1\frac{23}{24}$$

$$d) 7\frac{1}{6} \cdot \left(-\frac{7}{6}\right) + 10\frac{5}{6} \cdot \left(-\frac{7}{6}\right)$$

$$i) (-2)^3 \cdot \frac{1}{24} + \left(\frac{4}{3} - 1\frac{5}{6}\right) : \frac{5}{12}$$

$$e) 19\frac{5}{8} : \frac{7}{12} - 15\frac{1}{4} : \frac{7}{12}$$

$$k) 125\% \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)^2 : \left(1\frac{5}{16} - 1,5\right) + 2023^0$$

Bài 2: Tính giá trị của các biểu thức sau (thực hiện nhanh nếu có thể):

$$a) (-35,8) + 16,4 + 4,6 + (-17,2)$$

$$b) (5,3 - 2,8) - (4 + 5,3)$$

$$c) (34,72 + 32,28) : 5 - (57,25 - 36,05) : 2$$

$$d) 2,5 \cdot (-4,68) + 2,5 \cdot (-5,32)$$

$$e) 5,36 \cdot 12,34 + (-5,36) \cdot 2,34$$

Dạng 2: Tìm x

Bài 3: Tìm x biết

$$a) \frac{1}{6}x - \frac{3}{8} = \frac{1}{4}$$

$$f) x : \frac{3}{4} + \frac{1}{4} = -\frac{2}{3}$$

$$k) \frac{-2x+1}{4} = \frac{3}{5}$$

$$b) 1\frac{2}{9}x + \frac{8}{3} = -\frac{2}{3}$$

$$g) \frac{1}{3}x + \frac{2}{5}(x-1) = 0$$

$$l) \left(-0,6x - \frac{1}{2}\right) \cdot \frac{3}{4} - (-1) = \frac{1}{3}$$

$$c) \frac{3}{4} + \frac{1}{4} : x = -3$$

$$h) \frac{x+1}{3} = \frac{-3}{-9}$$

$$m) (3x-1) \left(-\frac{1}{2}x + 5\right) = 0$$

$$d) 3\frac{2}{7}x - \frac{1}{8} = 2\frac{3}{4}$$

$$i) \frac{-2x+1}{4} = \frac{3}{5}$$

$$n) \left(2x + \frac{3}{5}\right)^2 - \frac{9}{25} = 0$$

$$e) \frac{x}{2} - \frac{11}{5} = \frac{7}{8} \cdot \frac{64}{49}$$

$$j) \frac{-2}{3} - \frac{1}{3}(2x-5) = \frac{3}{2}$$

$$q) 60\%x + \frac{2}{3}x = \frac{1}{3} \cdot 6\frac{1}{3}$$

Bài 4: Tìm x, biết

$$a) \frac{2}{3} \text{ của } x \text{ là } -150$$

$$b) x + 30\% = -1,3$$

$$c) \frac{2}{3} + x = 45\%$$

$$d) 3\frac{1}{3}x + 16\frac{1}{4} = -13,25$$

$$e) 8\frac{2}{3} : x - 10 = -8$$

$$f) (2\frac{4}{5}x - 50) : \frac{2}{3} = 51$$

Bài 5: Tìm x (làm tròn số đến hàng phần mười), biết:

$$a) 2,7x + 3,6 = -12,8$$

$$b) 20,1 - 5,2x = 11,3$$

$$c) 2,34 + 5,4 : x = 1,32$$

Dạng 3: Hai toán cơ bản về phân số, tỉ số, tỉ số phần trăm

Bài 6: Lớp 6A1 có 50 học sinh. Số học sinh trung bình bằng 54% số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng $\frac{5}{9}$ số học sinh trung bình. Còn lại là học sinh giỏi.

a) Tính số học sinh mỗi loại của lớp 6A1?

b) Tính tỉ số phần trăm giữa số học sinh khá và số học sinh giỏi của lớp?

Bài 7: Bài kiểm tra Toán của lớp 6A3 sau khi chấm xong được xếp thành 3 loại: số bài loại Giỏi chiếm $\frac{3}{8}$ tổng số bài, số bài loại khá bằng $\frac{2}{5}$ tổng số bài. Số bài loại trung bình chiếm 9 bài.

a) Tính tổng số bài kiểm tra của lớp 6A3 ?

b) Tính tỉ số phần trăm của số bài loại giỏi so với tổng số bài của lớp ?

Bài 8: Một cửa hàng bán gạo hết số gạo của mình trong ba ngày. Ngày thứ nhất bán được $\frac{3}{7}$ số gạo của cửa hàng. Ngày thứ hai bán được 26 tấn. Ngày thứ ba bán được số gạo chỉ bằng 25% số gạo bán được trong ngày thứ nhất.

a) Ban đầu cửa hàng có bao nhiêu tấn gạo?

b) Tính tỉ số phần trăm của số gạo mà cửa hàng bán được trong ngày (I), (III)?

Dạng 4: Thống kê

Bài 9: Biểu đồ tranh dưới đây biểu diễn số lượng đôi giày thể thao bán được của một cửa hàng trong 4 năm gần đây:

2016	   
2017	      
2018	  
2019	     

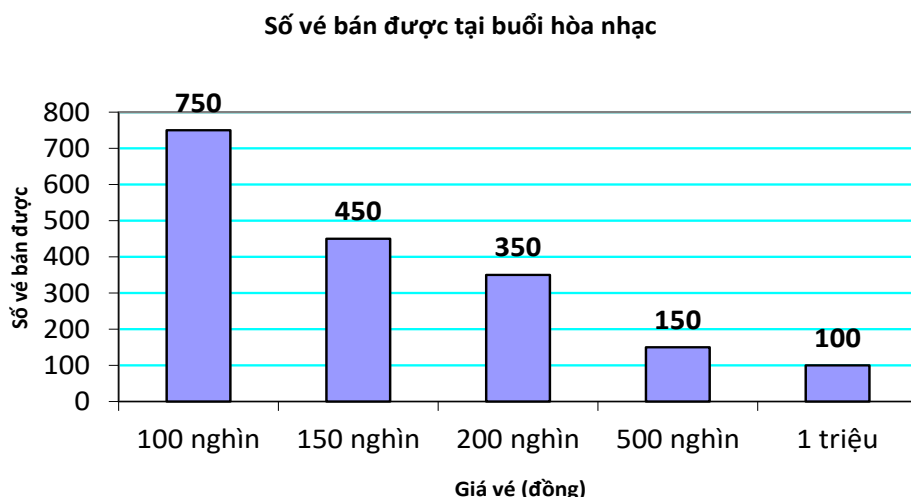
(Mỗi  ứng với 100 đôi)

a) Hãy lập bảng thống kê số đôi giày thể thao bán được của cửa hàng trong 4 năm?

b) Trong 4 năm, cửa hàng bán được bao nhiêu đôi giày thể thao?

c) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn bảng thống kê ở câu a? Năm nào nhu cầu mua giày thể thao cao nhất?

Bài 10: Biểu đồ cột sau đây biểu diễn số lượng vé bán được với các mức giá khác nhau của một buổi hòa nhạc



a) Tổng số vé bán được là bao nhiêu?

b) Tổng số tiền bán vé thu được là bao nhiêu?

c) Lập bảng thống kê biểu diễn số lượng vé bán được?

d) Nếu nhà hát có 2500 ghế, thì số vé bán được chiếm bao nhiêu phần trăm?

Bài 11.

a) Nếu gieo một xúc xắc 15 lần liên tiếp, có 6 lần xuất hiện mặt 1 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 1 chấm là bao nhiêu phần trăm?

b) Nếu gieo một xúc xắc 20 lần liên tiếp, có 15 lần xuất hiện mặt có số chấm là một số nguyên tố và hợp số thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 1 chấm là bao nhiêu phần trăm?

Bài 12. Trong hộp có 20 viên bi gồm 10 viên bi xanh, 6 viên bi đỏ và 4 viên bi vàng. Lấy ngẫu nhiên 1 viên bi. Tính xác suất thực nghiệm lấy được viên bi:

a) Màu xanh;

b) Màu đỏ;

c) Màu vàng;

2. HÌNH HỌC:

Bài 1: Vẽ hình theo diễn đạt sau:

a) Vẽ ba điểm A, B, C không thẳng hàng và hai tia AB, AC.

b) Vẽ tia Ay cắt đường thẳng BC tại N không nằm giữa B và C.

c) Vẽ tia Ax cắt đường thẳng BC tại M nằm giữa B và C.

Bài 2: Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 4\text{cm}$; $OB = 8\text{cm}$.

a) Tính độ dài đoạn AB?

b) Điểm A có phải trung điểm của OB? Vì sao?

c) Lấy điểm C thuộc tia đối của tia Ox sao cho $OC = 5\text{cm}$. Tính độ dài đoạn CB?

Bài 3: Vẽ hai điểm A và B thuộc đường thẳng d sao cho $AB = 8\text{cm}$. Lấy điểm C nằm giữa A và B sao cho $AC = 3\text{cm}$. Trên tia AC lấy điểm D sao cho C là trung điểm của đoạn thẳng AD.

a) Vẽ hình và kẻ tên hai tia đối nhau chung gốc C.

b) Tính độ dài đoạn thẳng CB.

c) Tính độ dài đoạn thẳng AD.

Bài 4: Gọi A và B là hai điểm trên tia Ox sao cho $OA = 4\text{cm}$; $OB = 6\text{cm}$.

a) Tính độ dài đoạn AB?

b) Trên tia BA lấy điểm C sao cho $BC = 4\text{cm}$. Điểm A có phải trung điểm của BC không? Vì sao?

c) Vẽ tia Cy sao cho góc $\angle xCy = 50^\circ$ và vẽ tia Cz là tia đối của tia Cx. Hãy chỉ ra các góc nhọn, góc tù, góc bẹt trên hình?

III. MỘT SỐ BÀI TẬP KHUYẾN KHÍCH

Bài 1: Tính hợp lý các tổng sau:

a) $S_1 = \frac{5}{1.4} + \frac{5}{4.7} + \dots + \frac{5}{97.100}$

c) $S_3 = \frac{10}{56} + \frac{10}{140} + \frac{10}{260} + \dots + \frac{10}{1400}$

b) $S_2 = \frac{1}{15} + \frac{1}{35} + \dots + \frac{1}{2499}$

d) $S_4 = \frac{1}{3} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{3^3} + \frac{1}{3^4} + \dots + \frac{1}{3^{300}}$

Bài 2: Tìm x, biết:

1) $x - \frac{20}{11.13} - \frac{20}{13.15} - \frac{20}{15.17} - \dots - \frac{20}{53.55} = \frac{3}{11}$

2) $\frac{1}{21} + \frac{1}{28} + \frac{1}{36} + \dots + \frac{2}{x(x+1)} = \frac{2}{9} \quad (x \in \mathbb{N}^*)$

3) $\left(\frac{1}{1.101} + \frac{1}{2.102} + \dots + \frac{1}{10.110} \right) \cdot x = \frac{1}{1.11} + \frac{1}{2.12} + \dots + \frac{1}{100.110}$

Bài 3: a) Tìm số nguyên x để các phân số sau có giá trị là số nguyên:

1) $A = \frac{3}{x-1}$

2) $B = \frac{x-2}{x+3}$

3) $D = \frac{4x+1}{2x+3}$

4) $E = \frac{x^2+5}{x+1}$

b) Chứng tỏ rằng các phân số sau tối giản với mọi số tự nhiên n:

1) $\frac{n+1}{2n+3}$

2) $\frac{2n+3}{4n+8}$

3) $\frac{2n+1}{3n+2}$

.....Hết.....

Đồng Tiến, ngày 10 tháng 4 năm 2023

GIÁO VIÊN

Tịnh Thị Hằng